

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 4876/2024/KDTM-ST

Ngày: 30/9/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng;

2. Bà Nguyễn Thị Lượng;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:**
Bà Võ Thị Thanh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 239/2024/TLST-KDTM ngày 07/6/2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64424/QĐXXST- KDTM ngày 07/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 7635/2024/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH B

Trụ sở: Số E Đường A, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thanh V, sinh năm 1984; Địa chỉ: 8 Đường E, Phường A, quận G, Tp .. (Có mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần Đ

Trụ sở: 25 Đường số C, Tòa nhà B, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Hoài T; Địa chỉ: 2 đường số H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Công ty TNHH B và Công ty cổ phần Đ có ký Hợp đồng mua bán số 9203/HĐMB/MK ngày 01/6/2022 về việc cung ứng bê tông trộn sẵn với số lượng và chất lượng như thỏa thuận, tổng giá trị hàng là 248.065.037 đồng, phía công ty Đ có trách nhiệm thanh toán tiền hàng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ thanh toán.

Trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện của nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền trình bày

Thực hiện hợp đồng, phía nguyên đơn đã giao đúng và đủ số lượng hàng hóa, gửi hồ sơ thanh toán đầy đủ. Tuy nhiên, công ty Đ mới chỉ thanh toán được một phần giá trị Hợp đồng là 225.065.037 đồng, còn thiếu lại 39.145.017 đồng. Bị đơn xác nhận số nợ trên theo xác nhận công nợ ngày 03/01/2023 và đã trả thêm được 16.145.017 đồng vào ngày 25/10/2023. Như vậy, số nợ còn lại mà bị đơn cần thanh toán cho nguyên đơn là: 23.000.000 đồng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi chậm trả với lãi suất 6,50%/năm. Thời gian tính lãi được tính sau 10 ngày kể từ ngày bên bán xuất đủ hồ sơ hóa đơn, tiền lãi của số tiền 7.479.995 đồng (*của hóa đơn 1181 ngày 17/9/2022*) tính từ ngày 27/9/2022 đến 30/9/2024 là: 1.466.591 đồng; Tiền lãi của số tiền 15.520.005 đồng (*của hóa đơn số 1235 ngày 28/9/2022*) tính từ ngày 08/10/2022 đến ngày xét xử 30/9/2024 là: 2.997.381 đồng. Tổng cộng: 4.463.972 đồng.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành giấy triệu tập và quyết định xét xử.

Về nội dung có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm hợp đồng, chưa thanh toán đủ tiền hàng hóa nên phải trả số tiền còn thiếu và lãi suất chậm thanh toán. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở hoạt động chính trên địa bàn thành phố T, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện giữa các bên có ký các Hợp đồng mua bán số 9203/HĐMB/MK ngày 01/6/2022 về việc cung ứng bê tông trộn sẵn với số lượng và chất lượng như thỏa thuận, tổng giá trị hàng là 248.065.037 đồng, phía công ty Đ có trách nhiệm thanh toán tiền hàng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ thanh toán.

Thực hiện hợp đồng, phía nguyên đơn đã giao đúng và đủ số lượng hàng hóa, gửi hồ sơ thanh toán đầy đủ. Tuy nhiên, công ty Đ mới chỉ thanh toán được một phần giá trị Hợp đồng là 225.065.037 đồng, còn thiếu lại 39.145.017 đồng theo xác nhận công nợ ngày 03/01/2023, bị đơn có xác nhận phần công nợ còn thiếu nêu trên vào ngày 13/9/2023 và đã trả thêm được 16.145.017 đồng vào ngày 25/10/2023. Như vậy, số nợ còn lại mà bị đơn cần thanh toán cho nguyên đơn là: 23.000.000 đồng.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất 6,50%/năm thấp hơn mức lãi suất trung bình trên thị trường là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Thời gian tính lãi được tính sau 10 ngày kể từ ngày bên bán xuất đủ hồ sơ hóa đơn, tiền lãi của số tiền 7.479.995 đồng (*của hóa đơn 1181 ngày 17/9/2022*) tính từ ngày 27/9/2022 đến 30/9/2024 là: 1.466.591 đồng; Tiền lãi của số tiền 15.520.005 đồng (*của hóa đơn số 1235 ngày 28/9/2022*) tính từ ngày 08/10/2022 đến ngày xét xử 30/9/2024 là: 2.997.381 đồng. Tổng cộng: 4.463.972 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Ngoài ra, kể từ ngày bản án có hiệu lực, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147; Điều 157, Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 300 và Điều 301 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 24, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 357, Điều 418; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” với Công ty cổ phần Đ.

Buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH B số tiền: 27.463.972 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần Đ phải nộp 3.000.000 đồng. H lại cho Công ty TNHH B số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0027375 ngày 07/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Khắc Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

